TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/DS-PT.
Ngày: 15 - 8 - 2023.
"V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải.

Ông Hồ Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022, về "Tranh chấp chia di sản thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2023/QĐPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023; Theo Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 83/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Thái Tr (đã chết).

Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

1.2. Ông Thái P.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

1.3. Ông Thái H.

Địa chỉ: ấp 6, xã Hòa An, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

1.4. Ông Thái B.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thái B: Ông Nguyễn Như Hùm, Văn phòng Luật sư T.

1.5. Bà Thái V.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Thái C.

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Thái U.

3.2. Ông Thái P.

3.3. Ông Thái K.

3.4. Bà Nguyễn L.

3.5. Ông Thái K.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.6. Bà Thái K.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.7. Bà Nguyễn T.

Địa chỉ: số A, đường C, phường L, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Bà Nguyễn S.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.9. Ông Nguyễn L.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.10. Bà Mai N(chết).

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Mai Thị Nhành:

+ Ông Thái C

+ Ông Thái P

+ Ông Thái K

Cùng địa chỉ: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

+ Bà Thái K

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Thái B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Thái Tr, ông Thái P, ông Thái H, ông Thái B, bà Thái V cùng

thống nhất trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ, cha là ông Thái H (chết năm 2011) và mẹ là bà Lê H, (chết năm 1970), có 07 người con gồm: Thái Tr, Thái P, Thái H, Thái B, Thái V, Thái T (chết năm 1989) và Thái U. Ông H và bà Hcó tạo lập được phần đất diện tích khoảng 22.000m^2 tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện Ptỉnh Hậu Giang. Sau khi bà Hchết, thì ông H vẫn canh tác sử dụng. Năm 1972, ông H kết hôn với bà Mai Nvà có 04 người con gồm Thái P, Thái C, Thái K và Thái K.

Quá trình chung sống với bà Mai Nthì ông H và bà N không tạo lập được tài sản hay phần đất nào khác. Năm 2010, các nguyên đơn phát hiện con của mẹ sau là bà N có Thái C, Thái P và Thái K đã được chia đất và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nhưng không biết diện tích đất cụ thể được chia. Trong các con của bà H, thì chỉ có Thái U được chia phần đất diện tích 5.500m^2 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng các người con còn lại thì không được chia phần đất nào, mặc dù các nguyên đơn có yêu cầu ông H chia đất rất nhiều lần, đến năm 2011 thì ông Thái H chết.

Nay các nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Thái C giao trả lại thửa đất 495 diện tích 2.173m^2 và thửa 445 diện tích 3.151m^2 đồng thời hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan thửa đất 495 và 445 do ông Thái C đứng tên để các nguyên đơn được quản lý sử dụng.

Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn là ông Buôl và ông Phùng chỉ yêu cầu diện tích đất theo đo đạc thực tế của thửa 445 là 3.506,4m^2 và thửa 495 là 1.341,8m^2 vì đồng ý trừ phần diện tích đất có vật kiến trúc và cây trồng trên đất của thửa 495.

Bị đơn ông Thái C trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ là ông Thái H và bà Mai Thị Nhành, có 04 người con là Thái P, Thái C, Thái K và Thái K. Ngoài ra, ông H có những người con với vợ trước bà Lê H như nguyên đơn trình bày là đúng. Trước đây không nhớ thời gian cụ thể ông Thái H có chia cho ông Thái U 04 công tầm lớn và 01 bờ xáng tổng cộng 7.000m^2, đến khi ông Thái P có vợ, ông H chia cho ông P 2.600m^2; năm 2008, ông H tiếp tục chia cho ông Thái K 2.600m^2, phần đất được chia ông Út, ông P và ông Kđã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ông Thái H còn lại phần đất 8.000m^2 để canh tác, sau đó tặng cho lại ông Thái C vào năm 2008 và ông C đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài ra ông C còn được tặng cho 5.000m^2 đất trồng lúa và 300m^2 thổ cư cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2010, các nguyên đơn đã tranh chấp với ông Thái H nhưng ông H không đồng ý. Trước

đây ông Thái H có kêu các nguyên đơn để chia đất nhưng các nguyên đơn không về và không nhận nên mới chia cho ông Thái U phần đất 5.500m$^{2.}$ Nay bị đơn ông Thái C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn vì phần đất tranh chấp ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thái P và Thái K thống nhất trình bày: Trước đây cha các ông là Thái H có kêu các nguyên đơn để chia đất nhưng các nguyên đơn không về và không nhận nên mới chia cho ông Thái U phần đất 5.500m^2, ông Thái P và ông Thái K mỗi người được chia 2.600m^2, phần đất được chia ông Út, ông Pvà ông K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Các chị em gái thì không được chia đất nhưng lúc lấy chồng cha mẹ chỉ cho của hồi môn như vàng và tiền... Phần đất còn lại khoảng 8.000m^2, ông H tặng cho ông Thái C và ông C cũng đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do ông C được chia nhiều đất vì sống với cha mẹ, phải phụng dưỡng lo cho cha mẹ và thờ cúng ông bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai N trình bày: Nguồn gốc đất là do ông Thái H và vợ trước bà Lê Htạo lập, nhưng trước đây có thời gian ông H tản cư về Cầu Trắng sinh sống. Khi ông H và bà N trở lại ấp Thạnh Mỹ C, xã Bình Thành sinh sống thì đất chủ yếu cỏ mọc hoang, ông H và bà N phải khai phá cải tạo mới được như ngày nay. Khoảng năm 1977 ông H có kêu các nguyên đơn để chia đất canh tác nhưng các nguyên đơn không nhận và nói có chổ ở hết rồi, nếu có chia thì chia cho Thái U 04 công. Sau đó chia cho Thái P và ông Thái K mỗi người 2.600m^2, còn lại do Thái C quản lý để thờ cúng ông bà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Thái U, Thái K, Nguyễn L, Thái K, Nguyễn T và Nguyễn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, không lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Tr, ông Thái P, ông Thái H, ông Thái B và bà Thái V yêu cầu bị đơn ông Thái C chia thừa kế quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 445, diện tích 3.151m^2 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 495, diện tích 2.173m^2, cùng tọa lạc tại: ấp C, xã B, huyện Ptỉnh Hậu Giang do ông Thái C nhận tặng cho từ ông Thái H đã được chỉnh lý đứng tên ngày 22/12/2008.

Buộc các nguyên đơn ông Thái Tr, ông Thái P, ông Thái H, ông Thái B và bà

Thái V chấm dứt hành vi ngăn cản ông Thái C và gia đình canh tác sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 /9/2022, nguyên đơn ông Thái B có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chia thừa kế quyền sử dụng đất và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 445 và 495 mà ông H tặng cho ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Ông Thái B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thái B trình bày: Trong vụ án thừa kế cấp sơ thẩm chưa xác định đầy đủ người thừa kế, ông Tr chết nhưng không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng tham gia, cũng như không có văn bản thể hiện ý chí từ chối hay nhận di sản; về người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Tốt cần xem lại tính hợp pháp của thủ tục uỷ quyền. Thời điểm mở thời kế, bà Hchết trước 1990, xác định theo Pháp lệnh chia thừa kế được tính từ ngày 10/9/1990, đơn khởi kiện năm 2017, nên thời hiệu chia thừa kế vẫn còn. Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông H và bà H tạo lập, các nguyên đơn có yêu cầu chia ½ di sản của bà H, là có căn cứ, cấp sơ thâm cho rằng di sản không còn nhưng chưa có văn bản nào thể hiện việc từ chối nhận di sản này của hàng thế kế của bà Hai, do đó 01 mình ông H tự định đoạt chia cho người khác không có căn cứ. Ngoài ra, các nguyên đơn có yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C nhưng cấp sơ thẩm chưa nhận định về việc có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đây là quyết định cá biệt sẽ thuộc thẩm quyền của Toà án cấp tỉnh. Về công sức đóng góp tu bổ trong khối di sản chưa được xem xét toàn diện. Từ những yêu cầu trên, cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên đề nghị cấp thẩm huỷ toàn bộ án sơ thẩm.

Bị đơn ông Thái C trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn, bởi lẽ thời điểm cha ông là ông H còn sống có yêu cầu các anh chị em về để chia đất nhưng không về nhận. Ông H được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên được quyền định đoạt và việc tặng cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

Người liên quan ông Thái K trình bày: Các nguyên đơn hiện nay thấy phần đất của ông Thái C đang quản lý, sử dụng có giá trị tăng lên nên phát sinh tranh

chấp, đối với phần đất ruộng không có giá trị cao thì không có tranh chấp nên đây là sự tính toán của các nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Theo Giấy chứng tử của ông Thái Tr chết năm 2021 nhưng cấp sơ thẩm không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là vi phạm Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định của Pháp lệnh chia thừa kế tính từ ngày 10/9/1990, yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn đối với di sản của bà Hđể lại thì thời hiệu vẫn còn. Về nguồn gốc phần đất đương sự thừa nhận của ông H và bà H tạo lập, cũng như lời khai của bà N thừa nhận. Khi ông H được cấp giấy chứng nhận vào 01/02/1992 sau khi bà Hchết, khi đang chung sống với bà N. Phía ông H chỉ có quyền định đoạt ½ khối tài sản chung của vợ chồng và 01 phần thừa kế của bà H, nhưng ông H đã tự định đoạt tất cả là chưa phù hợp, các đương sự khác có liên quan chưa tham gia đầy đủ, do vi phạm nghiêm trọng thủ tụng tố tụng tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Thái B có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung kháng cáo của ông Thái B, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Các đương sự đều xác nhận phần đất trên có nguồn gốc là của ông Thái H và bà Lê H (chết năm 1970). Đến ngày 01/02/1991 ông Thái H được cấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thửa 887, 641, 640, và 549 với tổng diện tích 20.620m^2.

[2] Ông Thái T tư cách là nguyên đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, theo Trích lục khai tử số 1052/TLKT-BS ngày 30/12/2022 thì ông Thái Tr chết vào ngày 14/9/2021. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tr tham gia tố tụng là vi phạm tại Điều 70, Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự và cũng như làm mất quyền kháng cáo của đương sự trong vụ án.

[3] Ngoài ra, đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thái Tcấp sơ thẩm chưa làm rõ các yêu cầu của đương sự trong vụ án này.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Luật sư và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là có cơ sở. Với những vi phạm tố tụng nghiêm trọng của cấp sơ thẩm làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Toà án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Các đương sự chưa phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Ông Thái B được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008357 ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2023).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quốc Tuấn